

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHOÁI CHÂU  
TỈNH HƯNG YÊN**

---\*\*\*---

Bản án số: 50/2022/HSST

Ngày: 31/5/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị T H.
- **Hội thẩm nhân dân:** Ông Lê Quang T và bà Lê Thị O.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tr V – Thư ký TA.
- **Đại diện VKSND huyện K:** Ông Nguyễn Hữu T A - KSV.

Hôm nay ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/HSST ngày 05/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/HSST-QĐXX ngày 13/5/2022 đối với bị cáo: **Nguyễn Thị G T**, sinh năm: 1975; Tên gọi khác: **H A1**; Nơi cư trú: thôn G, xã K, huyện K1, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đức T2 và bà Lương Thị N; Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có chồng là Trần Ngọc H1 sinh năm: 1965 (Đã Ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

**\*/Những người làm chứng:**

1. Chị Phạm Thị N2, sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn B, xã B1, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).
2. Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1972; Nơi cư trú: đội A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1977; Nơi cư trú: phố Chợ G1; phường A3, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).
4. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1972; Nơi cư trú: thôn Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị G T, sinh năm 1975 (Tên gọi khác: H A1) ở thôn G, xã K, huyện K1, tỉnh Hoà Bình là nhân viên của quán Karaoke Xmen (địa chỉ:

thôn Hồng Thái, xã Đ, huyện K). Quá trình sinh sống tại xã Đ, huyện K, T có sử dụng chất ma túy “đá”. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/12/2021, T điều khiển xe máy điện nhãn hiệu ESPERO, màu đỏ, biển số: 89MĐ1-02345 đi từ quán Karaoke Xmen đến khu vực cổng thôn H2, xã Đ, huyện K để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, T gặp một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) khoảng 30 tuổi, dáng người béo có biểu hiện là người nghiện ma túy nên T hỏi: “Anh có ma túy đá không? Bán cho em bốn trăm nghìn”. Người đàn ông đáp: “Có” rồi lấy trong túi áo khoác bên phải ra 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng và đưa cho T. T cầm gói ma túy trên và đưa cho người đàn ông số tiền 400.000 đồng rồi cầm túi ma túy cất vào ví màu nâu cho vào trong ba lô màu trắng của T. Người đàn ông bỏ đi, còn T mang theo túi ma túy, điều khiển xe máy điện đi tìm nơi sử dụng. Khi đi được khoảng 50 mét trên đường bê tông thuộc địa phận thôn H2, xã Đ, huyện K, T bị Công an huyện K phối hợp cùng Công an xã Đ kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ của T: 01 xe máy điện nhãn hiệu ESSPRO màu đỏ, biển số: 89MĐ1-02345; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 113213292 mang tên Nguyễn Thị G T sinh năm 1994 ở xã H3, huyện K1, tỉnh Hoà Bình do Công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 15/01/2014; 01 điện thoại di động nhãn hiệu XR màu xanh và 01 ba lô màu trắng, bên trong có 01 ví màu nâu. Trong ví, có cất giữ 01 túi nilon màu trắng chứa chất dạng tinh thể màu trắng. T khai: Chất dạng tinh thể màu trắng nêu trên là ma túy “đá”; T mua về để sử dụng. Công an huyện K đã niêm phong đối với túi nilon chứa chất dạng tinh thể màu trắng thu giữ của T để gửi đi giám định. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại quán Karaoke Xmen thuộc thôn H2, xã Đ nhưng không phát hiện thu giữ đồ vật tài sản liên quan đến ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số: 18/MT-PC09 ngày 19/12/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong túi nilon nêu trên có tổng khối lượng là 0,630g (*Không thấy sáu ba không gam*), là ma túy, loại: Methamphetamine; hoàn lại mẫu vật sau giám định 0,580 gam Methamphetamine, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng, chờ xử lý.

Tại bản Kết luận giám định số 66 ngày 25/02/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số 113213292 mang tên Nguyễn Thị G T thu được của T, không phải do Công an tỉnh Hoà Bình cấp. Đối với Giấy chứng minh nhân dân giả bị thu giữ. T khai: Khoảng tháng 10/2021, T mua Giấy chứng minh nhân dân này của một tài khoản trên mạng xã hội

Facebook để thuận lợi cho công việc làm nhân viên quán Karaoke. Tuy nhiên, T chưa sử dụng đến Giấy chứng minh nhân dân này. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với T. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe máy điện biển số 89MĐ1-02345 có số khung số máy không trùng khớp với số khung số máy của xe. Tra cứu xác định chiếc xe trên không thuộc vật chứng của vụ án nào. Không có dữ liệu thông tin đăng ký về xe máy điện có đặc điểm số khung, số máy nêu trên. Biển số 89MĐ1-02345 là của xe máy điện nhãn hiệu ESPERO, màu đỏ, có chủ xe đăng ký xe là chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1987 ở thôn Đ1, xã Đ, huyện K. Hiện, chiếc xe máy điện này chị D1 vẫn đang sử dụng. T khai: T mua xe máy điện này của một cửa hàng ở thành phố Hà Nội (không nhớ tên, địa chỉ cửa hàng và thời điểm mua). Khi mua xe, có đầy đủ giấy tờ mua bán và đăng ký xe. Tuy nhiên, toàn bộ giấy tờ T đã làm mất. Do đó, Cơ quan điều tra đã nhập chiếc xe trên vào kho vật chứng chờ xử lý.

Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng đối với toàn bộ số vật chứng gồm: 01 phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định có dấu đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên; 01 ví màu nâu; 01 ba lô màu trắng; 01 xe máy điện nhãn hiệu ESSPRO, màu đỏ, biển số: 89MĐ1-02345; 01 điện thoại di động nhãn hiệu XR màu xanh, lắp sim số 0989.101.548; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 113213292 mang tên Nguyễn Thị G T sinh năm 1994 ở xã Hợp Kim, huyện K1, tỉnh Hoà Bình do Công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 15/01/2014.

Tại bản cáo trạng số 49/CT – VKSKC, ngày 05/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015.

***Tại phiên toà hôm nay:***

[1]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 16/12/2021); Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T; Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau khi giám định; 01 ví màu nâu; 01 ba lô màu trắng; 01 Chứng minh thư nhân dân số 113213292 mang tên Nguyễn Thị G T, sinh năm 1994; Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu XR màu xanh, lắp sim 0989.101.548;

[2]. Bị cáo T nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải,

được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

[3]. Những người làm chứng là chị Phạm Thị N2, ông Nguyễn Mạnh C, ông Nguyễn Đức T1, Chị Nguyễn Thị D1 đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

**[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:** Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS: Quá trình điều tra bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong; Biên bản mở niêm phong; Lời khai của những người làm chứng là chị Phạm Thị N2, ông Nguyễn Mạnh C, ông Nguyễn Đức T1, Chị Nguyễn Thị D1, Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, vật chứng thu giữ được và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/12/2021, tại thôn H2, xã Đ, huyện K, Nguyễn Thị G T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,630g ma túy, loại Methamphetamine mục đích để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Nguyễn Thị G T theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 49/CT-VKSKC, ngày 05/5/2022 là có căn cứ.

**[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:** Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo T gây nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Bị cáo đã vi phạm chính sách độ

quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được BLHS bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an. Bản thân bị cáo T nhận thức rất rõ tác hại của ma túy, biết được tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã sẵn sàng vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

**[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:**

**[4.1] Về nhân thân:** Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng ăn chơi, đua đòi dẫn đến mắc nghiện chất ma túy.

**[4.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**[4.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải. Nên bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo mặc dù chưa có tiền án, tiền sự, nhưng bản thân mắc nghiện chất ma túy, lần phạm tội này có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

**[5]. Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện K:** Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp được HĐXX chấp nhận.

**[6]. Về hình phạt bổ sung:** Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập cố định, mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng chứ không vì mục đích tư lợi nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 5 Điều 249 của BLHS năm 2015, để phạt tiền đối với bị cáo.

**[7]. Về vật chứng trong vụ án:** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015 để xử lý vật chứng như sau:

- Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật chứng trong vụ án được Nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy 0,580 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định;

- Đối với 01 ví màu nâu; 01 ba lô màu trắng là công cụ T dùng cất giấu ma túy không có giá trị sử dụng; 01 Chứng minh thư nhân dân số 113213929 giả mang tên Nguyễn Thị G T, sinh năm 1994 không được phép lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu XR màu xanh, lắp sim 0989.101.548 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe máy điện nhãn hiệu ESPRO màu đỏ, treo biển số 89MD1-20345 có số khung số máy không trùng khớp với số khung số máy của xe, không có dữ liệu thông tin đăng ký về xe máy điện. T dùng làm phương tiện để đi lại nhưng không dùng để cất giấu ma túy, không phải là công cụ phương tiện phạm tội. Bản thân T khai khi T mua xe thì có đầy đủ giấy tờ mua bán và đăng ký xe nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc chiếc xe trên nên cần chuyển trả cho Công an huyện K tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

**[8]. Về án phí:** Bị cáo T phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS 2015.

**[9]. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH;**

**Căn cứ:** Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thị G T (Tên gọi khác: H A1) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thị G T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (16/12/2021).

**Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 0,580 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 ví màu nâu; 01 ba lô màu trắng; 01 Chứng minh thư nhân dân số 113213929 mang tên Nguyễn Thị G T sinh năm 1994.

- Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu XR màu xanh, lắp sim 0989.101.548.

- Chuyển trả cho Công an huyện K 01 xe máy điện nhãn hiệu ESPRO màu đỏ, treo biển số 89MD1-20345 để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số: 41/QĐ-VKS - KC ngày 05/5/2022 của VKSND huyện K).

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị G T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

**Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HY;
- Chi Cục T.H.A dân sự huyện KC;
- Bị cáo;
- UBND xã K, huyện KI;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

**Nguyễn Thị T H**